



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Chương trình Đại hội.
2. Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.
4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán.
5. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán (Đang hoàn thiện dự thảo).
6. Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.
7. Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 (Đang hoàn thiện dự thảo).
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020.
9. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020, dự kiến năm 2021.
10. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.
13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
14. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Hà Nội, tháng 4 năm 2021



-----000-----
PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Cổ đông: «Tên viết hoa»

Mã cổ đông: «Mã»

Số cổ phần sở hữu: «CP»

(Quý Cổ đông đánh dấu “x” hoặc “v” vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và Ban KS năm 2020, dự kiến năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

- Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết;

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG TRÌNH

Dự thảo

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

- Thời gian: Bắt đầu từ 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2021
- Địa điểm: Tầng 11, Tòa nhà Mipec - 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30	Đón tiếp đại biểu, Kiểm tra tư cách cổ đông
8h30 – 8h45	1. Khai mạc, Chào cờ, Tuyên bố lý do. 2. Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội. 3. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. 4. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội.
8h45 – 9h00	5. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách đoàn chủ tịch, ban kiểm phiếu. 6. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội. 7. Thông qua chương trình Đại hội.
9h00 – 11h00	8. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021. 9. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán. 10. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán. 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020. 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020. 13. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020. 14. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và Ban KS năm 2020, dự kiến năm 2021. 15. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. 16. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ. 17. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. 18. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 19. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. 20. Đại hội thảo luận 21. Hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội và biểu quyết thông qua các nội dung.
11h00 – 11h15	22. Đại hội giải lao (Ban kiểm phiếu làm việc).
11h15 – 11h20	21. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
11h20 – 11h30	22. Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.
11h30 – 11h35	Bế mạc Đại hội.

**TỔNG CÔNG TY CP
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**
Số: TTr/ĐT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Để tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Dự thảo Quy chế được đính kèm tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, KHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Thanh Tuấn

QUY CHẾ

**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Tờ trình số TTr/ĐT-HĐQT ngày .../04/2021
của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam theo danh sách chốt ngày 31/03/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương.
- Giấy ủy quyền (*trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội**)

(**Nếu cổ đông là cá nhân, thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi chính cổ đông đó; Nếu cổ đông là tổ chức, thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức đó*).

Sau khi xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận một **Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết** do Tổng công ty in và đóng dấu kiểm soát.

Phiếu biểu quyết theo mẫu của Tổng công ty phát hành kèm theo tài liệu gửi cho cổ đông do cổ đông gửi tới Đại hội, được Ban kiểm tra tư cách cổ đông ghi nhận như phiếu do Ban tổ chức đại hội phát trực tiếp tại đại hội khi Phiếu gửi tới được kèm theo bản chính hoặc bản sao được công chứng các giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ tương đương của cổ đông/người được ủy quyền. Các thông tin về cổ đông trên các giấy tờ kèm theo phiếu biểu quyết phải phù hợp với các thông tin của cổ đông trên phiếu biểu quyết.

Sau khi được Ban kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết do cổ đông gửi tới, Phiếu sẽ được đóng dấu kiểm soát của Tổng công ty và được ghi nhận như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

d. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc người được

ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.

e. Cổ đông hoặc người được ủy quyền được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

g. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự Đại hội.

b. Hướng dẫn các đại biểu tham dự Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 31/03/2021; Phát các tài liệu Đại hội; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội.

1. Chủ tọa của Ban Thư ký Đại hội.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b. Công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu.

1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.

b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/03/2021.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, chỉnh tề.

2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định, tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông báo.

Điều 11. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được lấy ý kiến biểu quyết thông qua công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **THẺ BIỂU QUYẾT** và **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Mỗi cổ đông được cấp một **THẺ BIỂU QUYẾT** và một **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Trên **THẺ BIỂU QUYẾT** và **PHIẾU BIỂU QUYẾT** đều ghi: Mã số Cổ đông, số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Tổng công ty. **PHIẾU BIỂU QUYẾT** ghi các nội dung xin ý kiến Đại hội và các ô thể hiện phương án biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

1. Cổ đông thông qua từng nội dung xin ý kiến Đại hội bằng cách giơ **THẺ BIỂU QUYẾT** để biểu quyết theo một trong các phương án sau: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến**. Khi biểu quyết, mặt trước của **THẺ BIỂU QUYẾT** có ghi Mã số cổ đông, Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.

2. Đối với các nội dung biểu quyết thông qua bằng **PHIẾU BIỂU QUYẾT**: Cổ đông đánh dấu (V) hoặc (X) vào ô lựa chọn một trong số các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền ký tên trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT** để hoàn thành việc biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến tại Đại hội.

3. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành ghi nhận Mã cổ đông biểu quyết cho từng phương án (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) và thu lại **PHIẾU BIỂU QUYẾT** để tổng hợp kết quả biểu quyết thông báo cho Chủ tọa và Ban thư ký Đại hội.

4. **PHIẾU BIỂU QUYẾT** bị rách hoặc ghi sai trước khi Ban kiểm phiếu thu về, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có thể xin đổi phiếu với Ban Tổ chức để thay thế.

5. **PHIẾU BIỂU QUYẾT** hợp lệ là phiếu do Ban tổ chức phát ra và được đánh dấu lựa chọn 1 trong 3 phương án (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) đối với từng nội dung xin ý kiến trên Phiếu; Ký, ghi rõ họ tên của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền trên Phiếu. Các trường hợp còn lại là phiếu không hợp lệ;

Điều 12. Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội không thuộc trường hợp nêu trên được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Chương IV **KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 04 (bốn) Chương, 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Số: BC/ĐT-KHĐT

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

BÁO CÁOV/v: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
Kế hoạch SXKD năm 2021 của Viettronics**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020.****I. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.****1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Viettronics năm 2020.**

a. Theo số liệu Báo cáo tài chính năm tại Công ty mẹ (bao gồm văn phòng Tổng công ty và Trường VTC), số liệu chưa được kiểm toán, kết quả tổng hợp như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH2020/ TH 2019	TH2020/ KH2020
1	Tổng Doanh thu	303.741	179.200	108.295	35,65%	60,43%
	- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh tại Tổng công ty	302.445	177.200	106.747		
	- Doanh thu đào tạo của VTC	1.296	2.000	1.548		
2	Tổng chi phí	296.632	176.200	153.599	51,78%	87,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	7.109	3.000	-45.304	-	-
	- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	8.007		-44.514		
	- Lợi nhuận khác tại TCTy	34		106		
	- Chênh lệch thu chi của Trường VTC	-933		-896		

b. Phân tích, nguyên nhân

- Doanh thu trực tiếp bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 của Tổng công ty giảm mạnh so với số thực hiện năm 2019 và đạt gần 60% kế hoạch năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do:

+ Dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn tới việc tham gia đấu thầu nhiều dự án. Một số dự án bị hủy thầu hoặc bị lùi thời gian thực hiện; một số dự án đang thực hiện thay đổi về tiến độ cung cấp hàng hóa do nguồn hàng chủ yếu từ Trung Quốc, kéo theo việc thanh toán bị kéo dài...

+ Tổng công ty phải cạnh tranh gắt gao với nhiều đối thủ mạnh trong các dự án về truyền tải điện.

+ Việc giải ngân, thanh quyết toán từ các dự án của nhà nước bị chậm do phụ thuộc vào tiến độ giải ngân của các chủ đầu tư, làm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền của dự án.

- Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2020 đạt 11,67 tỷ đồng bằng 70% kế hoạch năm và đạt thấp so với năm 2019. Nguyên nhân giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do năm 2019 Tổng công ty có khoản thu từ việc thoái vốn tại công ty con (VDD);

+ Doanh thu của Trường VTC thấp do hoạt động của Trường VTC còn nhiều khó khăn.

- Về chi phí: Các chi phí quản lý, chi phí giá vốn đều ở mức thấp so với năm 2019 và kế hoạch năm đề ra, tuy nhiên chi phí tài chính tăng cao do phải trích lập khoản dự phòng cho khoản đầu tư tại các đơn vị (VTB, DM VINA, VTD, VNC, VCN) do kết quả kinh doanh, giá cổ phiếu và quy định hiện hành về việc trích lập.

+ Chi phí tại Trường VTC không đủ bù đắp cho hoạt động tại Trường.

- Lợi nhuận năm 2020 chi tiết gồm:

+ Từ hoạt động SXKD của Tổng công ty: **420 triệu đồng;**

+ Hoạt động của Trường VTC: -896 triệu đồng;

+ Trích lập dự phòng đầu tư tại các đơn vị: -44,828 tỷ đồng.

Tổng cộng: - 45,304 tỷ đồng.

Như vậy, nếu loại trừ các nguyên nhân tác động do yếu tố khách quan không lường trước được, chính sách quy định về đầu tư/ tài chính trong việc trích lập dự phòng và việc Trường VTC là đơn vị hạch toán phụ thuộc thì hoạt động của Tổng công ty năm 2020 có lãi.

* Nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh (LNTT) không đạt kế hoạch, kết quả chung bị lỗ do:

- Các khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo quy định hiện hành theo kết quả hoạt động và giá cổ phiếu của một số đơn vị có vốn góp tại thời điểm cuối năm 2020. Tổng cộng giá trị phải trích lập thêm năm 2020 là 44,828 tỷ đồng.

- Trường VTC đang trong quá trình tái cơ cấu tuy nhiên năm 2020 bị ảnh hưởng của dịch bệnh nên công tác tuyển sinh chưa cải thiện nhiều, hoạt động chưa hiệu quả kéo giảm kết quả hoạt động chung của Tổng công ty.

- Hoạt động kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19, kết quả dẫn tới doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trực tiếp đều đạt thấp.

2. Thu cổ tức tại các doanh nghiệp có vốn góp.

Năm 2020, Tổng công ty đã thu được cổ tức từ vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đạt 8,819 tỷ đồng. Cụ thể:

- Công ty CP Điện tử Biên Hòa: 3,06 tỷ đồng, tương đương 10%/VĐL

- Công ty CP Viettronimex: 1,848 tỷ đồng tương đương 17%/VĐL.

- Công ty CP Máy tính Việt Nam: 113 triệu đồng tương đương 13,2%/ VĐL.

- Công ty CP Viettronics Tân Bình: 3,327 tỷ đồng, tương đương 5%/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

- Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông: 471 triệu đồng, tương đương 2,2% VĐL.

3. Thực hiện dự án đầu tư.

Tổng công ty đang trong quá trình nghiên cứu triển khai dự án E5 Cầu Giấy Hà Nội, cụ thể: Tổng công ty tiếp tục nộp bổ sung hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án, hiện đang xem xét bổ sung các yêu cầu thẩm định của Sở ban ngành theo quy trình, phân cấp.

4. Các công tác khác.

a. Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương.

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. Qua đó, Tổng công ty đã tổ chức phân công, bố trí nhiệm vụ trong Ban điều hành và sắp xếp điều chỉnh một số vị trí tại các Ban theo yêu cầu công việc.

Tổng công ty đã tiến hành xếp lương cho người lao động, thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động đúng theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ Tổng công ty.

b. Các công tác hành chính, quản trị.

Tổng công ty thực hiện công tác hành chính quản trị đảm bảo phục vụ kịp thời yêu cầu công tác Lãnh đạo và các bộ phận / phòng ban chức năng.

c. Công tác công bố thông tin, giao dịch trên sàn UPCOM.

Tổng công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo Quy định về công bố thông tin hiện hành áp dụng với công ty đại chúng qui mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM.

II. HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT.

1. Nhóm công ty con.

1.1. Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình (VTB): Vốn góp Tổng công ty chiếm 55,54%.

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 103,45 tỷ đồng bằng 69,43% kế hoạch năm và bằng 69,40% so với thực hiện 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 9,39 tỷ đồng bằng 104,32% kế hoạch năm và bằng 104,73% so với thực hiện năm 2019.

Năm 2020 do những khó khăn do thiên tai và dịch bệnh liên tiếp làm giảm sút sức tiêu thụ trên thị trường nói chung và đối với các sản phẩm sản xuất kinh doanh của VTB nói riêng. VTB phải nhận lại nhiều hàng từ các đại lý do không tiêu thụ được trong khi quá hạn thanh toán. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu bị gián đoạn, đình trệ do ảnh hưởng hậu quả của từ dịch bệnh cũng đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch sản xuất của VTB.

1.2. Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (VBH): Vốn điều lệ 29 tỷ, trong đó Tổng công ty chiếm 51%.

Các chỉ tiêu cơ bản ước thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 49,428 tỷ đồng, bằng 114,95% kế hoạch năm và bằng 86,72% so với cùng kỳ 2020.

- Lợi nhuận trước thuế: 1,217 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch năm và bằng 59,37% so với cùng kỳ năm 2019.

Năm 2020 hoạt động của VBH gặp nhiều khó khăn do chịu tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19: sản xuất hầu hết các sản phẩm đều giảm, dẫn đến hiệu quả đạt thấp; chi phí phát sinh thêm để vừa duy trì hoạt động vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh; công nợ tồn đọng nhiều, trong tình trạng khó thu đòi.

Để đạt được các chỉ tiêu trên, VBH đã nỗ lực đàm phán với các đối tác hiện hữu, tìm kiếm thêm các đối tác mới để tăng cường thêm đơn hàng đồng thời với việc liên tục tiết giảm chi phí, cải tiến quy trình công nghệ nhằm tăng tối đa hiệu quả sản xuất.

1.3. Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa (BELCO): Vốn điều lệ 60 tỷ, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 51%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu thực hiện: 25,1 tỷ đồng bằng 92,86% kế hoạch năm và bằng 121,22% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 7,08 tỷ đồng bằng 141,04% kế hoạch năm và bằng 35% so với cùng kỳ 2019.

Dự kiến kế hoạch một số chỉ tiêu năm 2021 có tăng trưởng so với thực hiện năm 2020.

1.4. Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức (VTD): Vốn điều lệ 69 tỷ trong đó vốn Tổng công ty chiếm 97,01%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu thực hiện: 16,3 tỷ đồng bằng 85,79% kế hoạch năm và bằng 29,29% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: -4,66 tỷ đồng.

1.5. Công ty cổ phần Công trình Viettronics (VNC): Vốn điều lệ 20 tỷ trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 65% vốn thực góp.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 26,88 tỷ đồng bằng 42% kế hoạch năm và bằng 95,53% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: -1,5 tỷ đồng (Kế hoạch năm : 0,5 tỷ đồng)

1.6. Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp (VCN): Vốn điều lệ 30 tỷ, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 91,86%.

Các chỉ tiêu cơ bản đạt thực hiện năm 2020 như sau:

- Tổng doanh thu: 4,93 tỷ đồng, bằng 164,47% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế: - 369 triệu đồng.

1.7. Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics (VTC).

- Chênh lệch thu - chi của VTC năm 2020 là: - 896 triệu đồng.

- Tổng số lao động bình quân: 25 người.

Năm 2020 hoạt động của VTC tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn.

Kết quả tuyển sinh năm học 2020-2021 VTC tuyển được 109 HSSV hệ chính quy.

Những khó khăn hiện tại của VTC đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại và khả năng duy trì hoạt động trong thời gian tới.

2. Nhóm các công ty liên kết:

2.1. Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông (VIETCOM): Vốn điều lệ 60 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 35,7%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 10,7 tỷ đồng bằng 107% kế hoạch năm và bằng 81,68% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: -80 triệu đồng.

Kết quả hoạt động năm 2020 của Vietcom đạt thấp do ảnh hưởng của dịch Covid, nhiều khách hàng đã trả lại điện tích thuê trước thời hạn và doanh thu tài chính giảm do chính sách hạ lãi suất tiền gửi của Ngân hàng.

2.2. Công ty cổ phần Viettronimex: Vốn điều lệ 25,73 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 42,16%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu thực hiện: 33 tỷ đồng bằng 110% kế hoạch năm và bằng 103% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 6,6 tỷ đồng bằng 101% kế hoạch năm và so với cùng kỳ 2019.

2.3. Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa (VIEMCO): Vốn điều lệ 6,119 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 33,77%.

Các chỉ tiêu cơ bản ước thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 16,3 tỷ đồng bằng 108,7% kế hoạch năm và bằng 86,32% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 141 triệu đồng bằng 141% kế hoạch năm. (Năm 2019: - 410 triệu đồng).

2.4. Công ty CP Máy tính Việt Nam (CMT): Vốn điều lệ 3 tỷ đồng trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 28,5% (tương đương 855 triệu đồng).

Các chỉ tiêu cơ bản ước thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 21,12 tỷ đồng bằng 88% kế hoạch năm và bằng 87% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 500 triệu đồng bằng 93,46% kế hoạch năm so với cùng kỳ 2019.

2.5. DM VINA

Kết quả hoạt động năm 2020:

- Công ty lỗ: 7,837 tỷ đồng (số liệu đã kiểm toán) (lỗ theo FS) giảm so với năm 2019.

- Lao động hiện có: 25 người.

III. Các khó khăn, tồn tại.

Tình hình hoạt động của Viettronics có một số khó khăn như sau:

a. Nguồn vốn hoạt động của Công ty mẹ thấp, chủ yếu vốn là nguồn đầu tư tại các đơn vị thành viên..

- Giá cổ phiếu, tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con ảnh hưởng trực tiếp tới việc trích lập các khoản đầu tư và khó chủ động trong công tác điều hành.

b. Biên lợi nhuận của các hoạt động kinh doanh trực tiếp tại công ty mẹ chưa cao. Rủi ro về chiếm dụng vốn, chậm thanh toán/ thu hồi công nợ.

c. Về lợi ích thu được từ các công ty con: Với các khó khăn tại các đơn vị, giá trị lợi ích thu được (cổ tức) so với quy mô vốn đầu tư còn thấp.

d. Nhân sự người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên cần triển khai cụ thể, quyết liệt hơn để giúp kết nối giữa hoạt động điều hành của Tổng công ty và công ty thành viên.

e. Rất cần việc xem xét tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên theo định hướng.

f. Hoạt động của Trường còn khó khăn, gây ảnh hưởng tới kết quả của Công ty mẹ.

g. Hoạt động của các đơn vị thành viên của Viettronics chủ yếu là nhập khẩu linh kiện để gia công, lắp ráp, vốn và hàm lượng công nghệ hạn chế, khó cạnh tranh được với các sản phẩm nhập khẩu nên thị phần bị thu hẹp, hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngành hàng chính khó khăn.

h. Chính sách quy hoạch, tiền thuê đất tăng cao, hợp đồng thuê đất còn thời hạn ngắn hoặc sắp hết hạn và không dễ để gia hạn.

i. Một số đơn vị còn tồn tại ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán trong báo cáo tài chính các năm trước, không dễ giải quyết dứt điểm trong thời gian ngắn.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Mục tiêu chung

- Xây dựng kế hoạch năm 2021 có lãi, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội chung, đặc biệt do những khó khăn của dịch Covid 19 năm 2021 tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng tới hiệu quả chung của tất cả các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty, khả thi, có tăng trưởng so với kết quả thực hiện 2020.

Cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty mẹ theo hướng ổn định, thận trọng, tập trung vào chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện.

- Đề xuất/ xây dựng phương án cụ thể cơ cấu vốn đầu tư tại các doanh nghiệp hợp lý để tập trung nguồn lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ theo định hướng.

II. Kế hoạch chi tiết.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chính

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2020, tình hình thực tế hiện nay, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty gồm các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (đồng)	Kế hoạch 2021 (đồng)	Tỷ lệ %	
			KH2021/TH 2020	KH2021/KH 2020
Tổng Doanh thu, trong đó:	108.294.950.225			
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	95.616.003.481			
Doanh thu từ hoạt động trực tiếp tại Tổng công ty	94.067.466.981			
Doanh thu đào tạo của Trường VTC	1.548.536.500			
Doanh thu hoạt động tài chính, khác	11.672.113.042			
Tổng Chi phí, trong đó:	153.599.447.159			
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	(45.304.496.934)			

- Trong dự kiến về hiệu quả hoạt động (LNTT) đã tính bao gồm phần chênh lệch thu chi của Trường VTC, tuy nhiên chưa bao gồm các tính toán ảnh hưởng của biến động giá cổ phiếu/ các khoản trích lập đầu tư tại các công ty con, công ty có vốn góp do việc dự báo này đối với các cổ phiếu đã giao dịch trên sàn HOSE, UPCOM là rất khó dự báo, tình hình SXKD tại các đơn vị thành viên/ liên kết còn lại cũng còn nhiều khó khăn, khó để dự kiến chính xác sớm được.

2. Biện pháp thực hiện.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Tổng công ty xác định cần phải thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

- Nỗ lực hoàn thành kế hoạch của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, làm cơ sở thu cổ tức từ phần vốn đầu tư tại các đơn vị có vốn góp theo dự kiến.

- Các Ban, bộ phận kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty phải phấn đấu hoàn thành đồng thời các chỉ tiêu về doanh số/ lợi nhuận được giao.

- Rà soát, sắp xếp lại, điều chỉnh về nhân sự và tổ chức bộ máy tại cơ quan Tổng công ty theo hướng tinh gọn, phù hợp tình hình thực tế, góp phần vào việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Tìm biện pháp phù hợp và hiệu quả để thu hồi công nợ tồn đọng của các dự án.

- Trường VTC sớm có biện pháp để sớm cân đối được thu chi.

- Rà soát, xây dựng phương án thoái vốn tại những doanh nghiệp đơn vị theo chủ trương đề ra để tái cơ cấu cấu nguồn lực đầu tư, tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh chính, mang lại lợi ích kinh tế cao cho Tổng công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế/ quy trình nội bộ để tạo điều kiện cho hoạt động SXKD của Tổng công ty được thuận lợi/ thông suốt.

- Tiếp tục việc phê duyệt chủ trương, thực hiện đầu tư theo quy định với dự án theo tiến độ nhằm tạo doanh thu/ lợi nhuận cho Tổng công ty trong thời gian sắp tới.

3. Kế hoạch đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư.

- Đầu tư thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư giáo dục Viettronics: Tiếp tục nghiên cứu triển khai.

- Đầu tư góp vốn dự án dự án sửa chữa, tân trang màn hình: Tổng công ty đã đầu tư giai đoạn 1, xem xét các bước đầu tư tiếp theo phù hợp.

4. Kế hoạch về thu cổ tức tại các đơn vị thành viên.

Năm 2021 dự kiến Tổng công ty có thể thu cổ tức từ phần vốn đầu tư tại một số đơn vị. Tuy nhiên do nguyên nhân chính là ảnh hưởng của dịch Covid 19, các đơn vị gặp không ít khó khăn trong năm 2021 sắp tới, cần theo dõi, cập nhật kịp thời.

5. Kế hoạch đầu tư mua sắm và kế hoạch khoa học công nghệ.

Tổng công ty sẽ thực hiện mua sắm một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ quản lý phục vụ cho hoạt động của các phòng ban trong Cơ quan Tổng công ty để đảm bảo nhu cầu hoạt động thường xuyên. Việc đầu tư, mua sắm/ sửa chữa lớn sẽ được trình duyệt khi có phát sinh cụ thể.

Kế hoạch Khoa học Công nghệ của Tổng công ty tập trung vào nghiên cứu hoàn thiện các sản phẩm mang tính ứng dụng.

Tuy nhiên, cùng với tình hình chung khó khăn, năm 2021, Tổng công ty cũng sẽ tiết giảm việc đầu tư mua sắm để giảm thiểu chi phí.

6. Quản trị doanh nghiệp, quản lý chi phí hoạt động.

- Tăng cường công tác thông tin, phối hợp giữa người đại diện tại các đơn vị, các Ban chức năng của Tổng công ty để kịp thời thông tin, báo cáo, trình duyệt theo phân cấp công tác quản trị tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Tổng công ty sẽ sớm rà soát để điều chỉnh/ bổ sung Quy chế, Quy định không còn phù hợp để hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh được thuận lợi, thông suốt phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổng công ty dự kiến tiết giảm chi phí quản lý so với thực hiện năm 2020: chi phí quản lý gián tiếp; Chi phí lương gắn với hiệu quả và chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch, tùy thuộc vào

kết quả thực hiện cuối năm để phân phối; Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... đảm bảo theo đúng quy định liên quan;

7. Kế hoạch nhân sự.

Năm 2021, Tổng công ty sẽ chỉ tuyển dụng các lao động mới khi cần thay thế/ bổ sung các vị trí nghỉ hưu hoặc điều chuyển công việc.

Tổng công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu thực tế, việc tuyển dụng đảm bảo bộ máy tinh gọn, phù hợp yêu cầu công việc cụ thể và có đánh giá/ giám sát về mức độ hoàn thành/ hiệu quả công việc.

8. Các nội dung liên quan khác.

- Tham gia Đại hội cổ đông 2021 tại các đơn vị: Đối với các công ty con, công ty có vốn góp, Tổng công ty sẽ tham gia chỉ đạo một số nội dung quan trọng như xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch nhiệm kỳ, phân phối lợi nhuận, công tác tổ chức, nhân sự ... theo định hướng chung thống nhất trong toàn Tổng công ty.

Năm 2021, tại một số đơn vị có nội dung bầu nhân sự do là Đại hội kết thúc nhiệm kỳ hoặc thay thế người đại diện đến tuổi nghỉ hưu hoặc vì một số lý do để phù hợp với nhu cầu quản lý, điều hành của Tổng công ty, do đó, theo thẩm quyền phân cấp, Tổng công ty sẽ có phương án nhân sự phù hợp, kịp thời, đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng công ty tại đơn vị.

- Tổ chức Đại hội cổ đông của Tổng công ty: Tổng công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên trong thời hạn quy định: 27/04/2021.

- Tổng công ty sẽ tăng cường công tác đào tạo, cử cán bộ đi tham gia các khóa học để nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật quy định liên quan trong quá trình công tác.

- Các hoạt động của Đảng, đoàn thể: Chính quyền thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng bộ Tổng công ty cũng như hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của đoàn thể, công đoàn và một số tổ chức kinh tế, xã hội...

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 của Viettronics.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, KHĐT.

Vũ Hải Vinh

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2020
(Trích từ báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2020)

Đơn vị tính: VNĐ

A	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	247,556,774,292	295,126,302,526
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	81,178,659,385	64,220,651,879
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1.3	Các khoản phải thu	130	145,437,497,355	209,439,530,522
1.4	Hàng tồn kho	140	16,520,955,887	16,670,499,168
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	150	4,419,661,665	4,795,620,957
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	288,539,004,536	335,880,304,317
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	210	96,245,200	96,245,200
2.2	Tài sản cố định	220	49,286,763,403	51,898,466,820
-	<i>TSCĐ hữu hình</i>	221	31,517,623,403	34,129,326,820
-	<i>TSCĐ vô hình</i>	227	17,769,140,000	17,769,140,000
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	240	5,388,703,214	5,338,703,214
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	233,705,123,162	278,532,808,416
2.5	Tài sản dài hạn khác	260	62,169,557	14,080,667
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	536,095,778,828	631,006,606,843

B	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
I	NỢ PHẢI TRẢ	300	77,611,879,776	124,872,210,857
1.1	Nợ ngắn hạn	310	77,311,879,776	124,572,210,857
1.2	Nợ dài hạn	330	300,000,000	300,000,000
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	458,483,899,052	506,134,395,986
2.1	Vốn chủ sở hữu	410	458,483,899,052	506,134,395,986
-	Vốn góp của chủ sở hữu	411	438,000,000,000	438,000,000,000
-	Quỹ đầu tư phát triển	418	38,679,596,792	38,679,596,792
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(18,195,697,740)	29,454,799,194
2.2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	536,095,778,828	631,006,606,843

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

Nguyễn Trung Dũng

Vũ Hải Vinh

TÓM TẮT BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CÔNG TY MẸ NĂM 2020
(Trích từ báo cáo kết quả hoạt động SXKD công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2020)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	20/19 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	95,616,003,481	268,523,582,817	35.61%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		359,358,147	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	95,616,003,481	268,164,224,670	35.66%
4	Giá vốn hàng bán	11	88,743,159,001	261,125,052,263	33.98%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	6,872,844,480	7,039,172,407	97.64%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	11,672,113,042	35,425,115,807	32.95%
7	Chi phí tài chính	22	45,314,162,331	14,792,445,179	
8	Chi phí bán hàng	24	453,848,986	303,703,168	149.44%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18,180,310,165	20,293,505,902	89.59%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30	(45,403,363,960)	7,074,633,965	-641.78%
11	Thu nhập khác	31	1,006,833,702	152,282,990	661.16%
12	Chi phí khác	32	907,966,676	118,082,234	768.93%
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	98,867,026	34,200,756	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(45,304,496,934)	7,108,834,721	-637.30%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(45,304,496,934)	7,108,834,721	-637.30%

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

Nguyễn Trung Dũng

Vũ Hải Vinh

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	46.18
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	53.82
2	Cơ cấu vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	14.48
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	85.52
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.05
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3.20
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	(8.45)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	(9.88)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

Nguyễn Trung Dũng

Vũ Hải Vinh

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Kết quả chỉ đạo triển khai các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua

a) Về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 01-2020 NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chỉ đạo, định hướng, phối hợp với Ban điều hành Tổng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty, hoạt động khai thác mặt bằng, công tác tuyển sinh của Trường VTC và phát sinh các khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính nằm ngoài dự kiến tại VTB, DM VINA, VTD, VNC, VCN. Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã không đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2020 Tổng công ty đạt 108,295 tỷ đồng bằng 60,43% kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020: -45,304 tỷ đồng. Như vậy, nếu loại trừ các nguyên nhân tác động do yếu tố khách quan không lường trước được, chính sách quy định về đầu tư/ tài chính trong việc trích lập dự phòng và việc Trường VTC là đơn vị hạch toán phụ thuộc thì hoạt động của Tổng công ty năm 2020 có lãi 420 triệu đồng.

b) Việc trích lập dự phòng công nợ phải thu, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tài chính theo đúng quy định hiện hành, thực hiện trích khấu hao tài sản đầy đủ. Việc trích lập các Quỹ, phân phối lợi nhuận theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

d) Ngân sách hoạt động, mức thù lao của Hội đồng quản trị năm 2020 được thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

e) Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty đã được thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Công tác quản trị điều hành

a) Kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao

Đáp ứng nhu cầu thực tế công tác quản trị Tổng công ty, HĐQT đã miễn nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty do đến tuổi nghỉ hưu và có đơn xin từ nhiệm; bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 08/10/2020.

b) Tăng cường công tác Người đại diện tại các đơn vị có vốn góp

Nhằm nâng cao công tác quản lý các đơn vị có vốn góp, HĐQT đã tiến hành kiện toàn nhân sự người đại diện tại các đơn vị theo đúng qui trình, Quy chế người đại diện Tổng công ty. Nhân sự được cử/ủy quyền người đại diện Tổng công ty là các cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu về Tổng công ty và các đơn vị, chấp hành nghiêm túc các chỉ đạo, định hướng của Tổng công ty.

c) Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT luôn theo dõi định hướng hoạt động của Ban điều hành để chỉ đạo/ điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Tổng công ty, cụ thể gồm:

- Yêu cầu Ban điều hành tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD:
- Tăng cường hơn nữa việc chỉ đạo, điều hành, phối hợp từ Viettronics tới các đơn vị thành viên đảm bảo thực hiện, hoàn thành kế hoạch tổng thể và kế hoạch về thu cổ tức từ phần vốn đầu tư tại các đơn vị có vốn góp.
- Giao kế hoạch cho các Ban kinh doanh, các bộ phận gắn với việc đánh giá hiệu quả công việc và quy định về phân phối tiền lương, tiền thưởng.
- Tăng cường công tác quản trị, điều hành, tinh gọn bộ máy và tăng cường hiệu quả hoạt động tại công ty mẹ Viettronics.
- Tìm mọi biện pháp phù hợp và hiệu quả để thu hồi công nợ, công nợ tồn đọng của các dự án Viettronics đã phải trích lập công nợ khó đòi.
- Quản lý tốt chi phí và tiết giảm tối đa chi phí quản lý theo hướng quản lý bám sát kế hoạch cụ thể cho các đơn vị, bộ phận.
- Có biện pháp cụ thể để tái cơ cấu hoạt động Trường cao đẳng Công nghệ Viettronics từ nhân sự, cơ sở vật chất, hoạt động đào tạo hướng tới việc ổn định, có hiệu quả hơn, đóng góp vào hoạt động chung của Viettronics.
- Đẩy mạnh quá trình triển khai đầu tư đối với dự án đã được phê duyệt.
- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, khai thác có hiệu quả đối với các nguồn lực khác của Viettronics và các đơn vị thành viên theo thẩm quyền.

3. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ và các phiên họp chuyên đề xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, 16 lần tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 18 Nghị quyết (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHCĐ giao, cụ thể như sau:

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ BAN HÀNH CỦA HĐQT NĂM 2020

TT	Ngày tháng	Số hiệu văn bản	Nội dung	Hình thức họp
1.	23/01/2020	44 NQ/ĐT-HĐQT	Tiếp tục ủy quyền người đại diện vốn tại Belco	Xin ý kiến bằng văn bản
2.	22/01/2020	45 NQ/ĐT-HĐQT	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc	Xin ý kiến bằng văn bản
3.	15/01/2020	46 NQ/ĐT-HĐQT	Cử người đại diện vốn tại CMT	Xin ý kiến bằng văn bản
4.	15/01/2020	47 NQ/ĐT-HĐQT	Điều chỉnh hợp đồng hợp tác kinh doanh tại 15 Trần Hưng Đạo	Xin ý kiến bằng văn bản
5.	11/03/2020	48 NQ/ĐT-HĐQT	Tạm cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động cho Trường VTC	Xin ý kiến bằng văn bản
6.	17/04/2020	49 NQ/ĐT-HĐQT	Lùi thời gian tổ chức ĐHCĐ năm 2020	Xin ý kiến bằng văn bản
7.	08/06/2020	50 NQ/ĐT-HĐQT	Cử người đại diện vốn tại 05 công ty có vốn góp	Xin ý kiến bằng văn bản
8.	25/06/2020	51 NQ/ĐT-HĐQT	Chương trình và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Xin ý kiến bằng văn bản
9.	09/07/2020	52 NQ/ĐT-HĐQT	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Belco	Xin ý kiến bằng văn bản
10.	22/07/2020	53 NQ/ĐT-HĐQT	Kéo dài thời hạn ủy quyền người đại diện vốn VTB	Xin ý kiến bằng văn bản
11.	21/08/2020	54 NQ/ĐT-HĐQT	Báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2020 và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	Biên bản họp số 10 BB/ĐT-HĐQT ngày 14/08/2020

TT	Ngày tháng	Số hiệu văn bản	Nội dung	Hình thức họp
			Xếp lương người quản lý Tổng công ty Đầu tư góp vốn tại DM Vina	
12.	24/08/2020	55 NQ/ĐT-HĐQT	Quý tiền lương kế hoạch năm 2020	Xin ý kiến bằng văn bản
13.	16/09/2020	56 NQ/ĐT-HĐQT	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
14.	29/09/2020	57 NQ/ĐT-HĐQT	Chuyển xếp lương Người quản lý Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
15.	05/10/2020	58 NQ/ĐT-HĐQT	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
16.	30/10/2020	59 NQ/ĐT-HĐQT	Xếp lương Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
17.	28/12/2020	60 NQ/ĐT-HĐQT	Xếp lương cho TV HĐQT chuyên trách	Xin ý kiến bằng văn bản
18.	25/12/2020	61 NQ/ĐT-HĐQT	Báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2020 Một số nội dung theo thẩm quyền: Theo các kiến nghị của Ban kiểm soát; Hợp tác kinh doanh tại 15 Trần Hưng Đạo; Góp vốn vào Công ty DM VINA; Chế độ phụ cấp thâm niên cho cán bộ, giảng viên Trường VTC.	Biên bản họp số 11 BB/ĐT-HĐQT ngày 14/08/2020

4. Về hoạt động của các thành viên HĐQT

Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ theo Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật, đảm bảo hiệu quả chung của HĐQT; thực hiện thảo luận, biểu quyết thông qua đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và chịu trách nhiệm với quyết định của mình; thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống đã được ĐHĐCĐ giao.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc quản lý doanh nghiệp; chi tiết tại Báo cáo tình hình Quản trị Tổng công ty giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 đã được công bố trên Website của Tổng công ty.

6. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

HĐQT giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ chi tiết, đánh giá hiệu quả; tham gia các cuộc họp cùng Ban điều hành để thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động cũng như bảo đảm sự tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tổng công ty. Thông qua các cuộc họp chuyên đề, các nội dung báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, các thành viên HĐQT có thể nắm bắt được tiến độ của Ban điều hành để có những quyết định trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT được giao phó. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

- Do bối cảnh dịch bệnh Covid 19, Ban điều hành chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT.
- Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Tổng công ty.
- Chuyển xếp lương cho người lao động theo Quy chế lương mới, thực hiện các chế độ chính sách liên qua đến quyền lợi của người lao động đúng theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ Tổng công ty.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin theo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT Tổng công ty được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Chi tiết tiền lương và thù lao của các thành viên HĐQT năm 2020 được tổng hợp và thể hiện trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và Tờ trình quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020, dự kiến năm 2021 của HĐQT trình ĐHĐCĐ.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Tổng công ty, sử dụng phòng làm việc, công cụ, dụng cụ làm việc, thực hiện các chế độ công tác... theo các quy định hiện hành của Tổng công ty. Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo đúng quy định của Nhà nước.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Từ đầu năm 2021, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng rất lớn tới các nền kinh tế, sản xuất đình đốn, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, thương mại và đầu tư giảm. Với độ mở của nền kinh tế khá lớn nên nền kinh tế Việt Nam đã và đang chịu ảnh hưởng đáng kể bởi dịch bệnh Covid 19. Đây được coi là yếu tố tác động đến tăng trưởng, cũng như khả năng sinh lời của Tổng công ty trong năm 2021 và đòi hỏi Tổng công ty phải nỗ lực vượt qua.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Tổng công ty, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: tỷ đồng.

Để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, an toàn, quá trình thực hiện sẽ tập trung vào các vấn đề lớn sau:

a. Chỉ đạo quyết liệt các giải pháp cấp bách mang tính ứng phó kịp thời trước ảnh hưởng của dịch Covid-19, các giải pháp tổ chức hoạt động kinh doanh theo kế hoạch 2021 và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp trong tình hình mới.

b. Tăng cường quản lý, theo dõi chặt chẽ hoạt động Tổng công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin từ Ban điều hành và có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

c. Kiểm soát hiệu quả các rủi ro trọng yếu trong triển khai thực hiện kế hoạch SXKD 2021 của Tổng công ty: Rủi ro trong quản lý điều hành, có biện pháp kiểm soát kịp thời các yếu tố không lường trước.

d. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế và bảo đảm việc áp dụng thành công, đầy đủ các quy chế, hệ thống các quy trình đã ban hành trên nguyên tắc minh bạch, khả thi và gắn với trách nhiệm với hiệu quả.

e. Tiếp tục chỉ đạo về việc tái cấu trúc nguồn vốn, tập trung phân loại doanh nghiệp và thoái vốn gắn với xây dựng chiến lược kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Tuấn

TỜ TRÌNH

Về thủ lao của HĐQT, BKS năm 2020, dự kiến năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty,

Hội đồng Quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua quyết toán thủ lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Quyết toán chi thủ lao năm 2020

STT	Thành viên HĐQT/BKS	Chức vụ	Số tháng/2020	Thực hiện năm 2020 (Triệu đồng)
I	Hội đồng quản trị			84
1	Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	12	48
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	12	36
3	Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT	12	0
4	Đỗ Thị Thuý Hương	Thành viên HĐQT	06	0
5	Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT	06	0
II	Ban kiểm soát			48
1	Vũ Hoài Anh	Trưởng BKS	12	0
2	Phạm Văn Chung	Thành viên BKS	12	24
3	Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS	12	24
	Tổng cộng			132

2. Kế hoạch chi thù lao năm 2021

Dự kiến mức thù lao năm 2021 giữ nguyên như số liệu thực hiện năm 2020:

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: 4 triệu đồng/ tháng.

+ Thành viên HĐQT: 3 triệu đồng/người/tháng.

Trong đó thành viên HĐQT làm việc chuyên trách tại Tổng công ty sẽ nhận lương và không nhận phụ cấp.

- Ban Kiểm soát:

+ Trưởng Ban chuyên trách: Nhận lương, không nhận phụ cấp.

+ Thành viên BKS: 2 triệu đồng/người/tháng.

Hội đồng Quản trị kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;

- CBTT;

- HĐQT, BKS;

- Lưu VT, KHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CP
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: TTr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021.

TỜ TRÌNH

(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, hàng năm Ban Kiểm soát Tổng công ty đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn.

Để thuận tiện trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Ban kiểm soát Tổng công ty lựa chọn.

Kính trình Đại hội thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT, KHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: TTr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty.

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Tổng công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các yêu cầu quản trị, điều hành của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chi tiết như dự thảo đính kèm.

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Tuấn

Dự thảo chi tiết sửa đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Hà Nội, ngày ... tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chào bán cổ phần	7
Điều 8. Bán cổ phần	7
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 12. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	9
Điều 14. Quyền của cổ đông	9
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Thay đổi các quyền	13
Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	16
Điều 24. Thâm quyền và thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 27. Hiệu lực của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 31. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
Điều 34. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY	27
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 36. Người điều hành Tổng công ty	27
Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	27
Điều 38. Thư ký Tổng công ty	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	29

Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	29
Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát.....	30
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	30
Điều 42. Trường Ban kiểm soát.....	31
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng.....	32
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
Điều 48. Giao dịch với người có liên quan.....	33
Điều 49. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	34
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 52. Phân phối lợi nhuận	35
Điều 53. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ...	36
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 55. Năm tài chính.....	36
Điều 56. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	36
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	36
Điều 58. Báo cáo thường niên.....	37
Điều 59. Nghĩa vụ công bố thông tin	37
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY.....	37
Điều 60. Kiểm toán	37
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	37
Điều 61. Dấu của doanh nghiệp.....	37
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	38
Điều 62. Giải thể Tổng công ty	38
Điều 63. Gia hạn hoạt động	38
Điều 64. Thanh lý	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 67. Ngày hiệu lực	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi, bổ sung này đã được thông qua Nghị quyết sốNQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Tổng công ty" là Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;
 - b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty cổ phần và theo quy định tại 0 Điều lệ này;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu - ngày 28 tháng 02 năm 2007 (kể từ khi chuyển đổi DNNN (CPH) sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần);
 - f. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
 - g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - j. "Cổ đông": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại 0 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng Nghị quyết;
 - m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các Luật chuyên ngành khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
- a. Tên tiếng Việt: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

b. Tên tiếng Anh: VIETNAM ELECTRONICS AND INFORMATICS JOINT STOCK CORPORATION

c. Tên giao dịch: Viettronics Corporation

d. Tên viết tắt: VIETTRONICS CORP

2. Tổng công ty là Tổng công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

a. Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

Địa chỉ trụ sở chính: 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

b. Điện thoại: (84-24) 38256404

c. Fax: (84-24) 38264786

d. E-mail: info@viettronics.vn

e. Website: www.viettronics.vn

Văn phòng đại diện Tổng công ty tại TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39252327

Fax: (84-28) 39252328

Văn phòng giao dịch tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Văn phòng MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 62 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, Quy định có liên quan hiện hành của Tổng công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là trực tiếp sản xuất - kinh doanh trong các lĩnh vực điện tử - tin học, công nghệ thông tin, đầu tư tài chính, đầu tư và kinh doanh bất động sản, đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm các ngành nghề cụ thể sau đây:

a. Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần;

b. Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

c. Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước);

d. Kinh doanh khách sạn;

e. Kinh doanh quảng cáo, thông tin;

f. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Kinh doanh triển lãm;

g. Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

h. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh - truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW;

i. Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Tư vấn, thiết kế đường dây và

trạm biến áp đến 500KV;

j. Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, thiết kế các linh kiện điện tử, thiết bị điện tử dân dụng, chuyên dụng;

k. Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; kinh doanh thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

l. Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo;

m. Xuất nhập khẩu vật tư linh kiện, nguyên liệu, dụng cụ, trang thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

n. Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế, máy móc, thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực y tế;

o. Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

p. Lắp đặt thiết bị y tế;

q. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; Thẩm định thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Kiểm định xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Dịch vụ tư vấn đấu thầu;

r. Phá dỡ, Chuẩn bị mặt bằng;

s. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;

t. Lắp đặt hệ thống điện; Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy;

u. Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hóa chất.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty cho các cổ đông và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 438.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 43.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo yêu cầu hoạt động của Tổng công ty trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục Cổ đông sáng lập Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

9. Tổng công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng công ty nếu Tổng công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b. Vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp.

c. Tổng công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Tổng công ty thực hiện chào bán cổ phần theo một trong các hình thức sau đây:

a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b. Chào bán ra công chúng;

c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Tổng công ty thực hiện theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán.

4. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 8. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;

3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu

đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn phù hợp quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty để được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp cổ phần thuộc đối tượng Điều lệ Tổng công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo Pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của Pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty.

6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Pháp luật.

7. Tổng công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông với hình thức trong thời hạn theo yêu cầu của cổ đông đúng quy định Pháp luật có liên quan hiện hành.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp

không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hình thức khác theo pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của Pháp luật.

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 28 và Khoản 1 Điều 39 Điều lệ này phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

b. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

c. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

d. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá

trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

f. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm Pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

2. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

- Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa

vụ của họ theo Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

c. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;

- l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- m. Tổng công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- n. Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- o. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều Khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số

lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, 22 và 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm hoặc phải nêu rõ đường dẫn đến tài liệu họp để cổ đông tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

9. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

10. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục.

11. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán có liên quan.

10. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Các vấn đề sau đây có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- b. Định hướng phát triển Tổng công ty;
- c. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định trừ các vấn đề theo quy định tại Luật Doanh nghiệp phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;

- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn

đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

k. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 27. Hiệu lực của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết

thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g. Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

4. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay

thể và tiếp quản công việc.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a, b nêu trên.

d. Thành viên đó không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

e. Thành viên đó là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c. Thành viên của Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, dựa trên đề xuất nhân sự của Chủ tịch Hội đồng quản trị từ một trong các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán

của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;

k. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, và người quản lý quan trọng khác của Tổng công ty; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

s. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

v. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty;

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.

4. Trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng

quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.

6. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;
- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
- c. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;
- d. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức,

làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

f. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

h. Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Các cuộc họp thường kỳ

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

4. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 4 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 4 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 46 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của biên bản phải đáp ứng những yêu cầu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

17. Giá trị pháp lý của các quyết định của Hội đồng quản trị

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 34. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị

Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của

Tổng công ty

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà Pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

e. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

h. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức Tổng công ty, phương án thành lập, hoặc giải thể đối với các công ty con, đơn vị trực thuộc; quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty;

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật.

4. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

6. Từ nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc

a. Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;

b. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 5 Điều này;

- Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

- Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty;

- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của các cơ quan Pháp luật;

- Từ chức, tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này;

- Bị chết hoặc bị mất trí;

- Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

7. Tổng giám đốc có thể ủy quyền hoặc uỷ nhiệm bằng văn bản cho các Phó tổng giám đốc hoặc một số chức danh quản lý trong Tổng công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc thuộc thẩm quyền trong Tổng công ty, nhưng Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm này.

Những người được Tổng giám đốc ủy quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và Pháp luật về những công việc mình làm.

Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan đến con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

8. Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi, báo cáo tài chính và các hồ sơ kế toán của Tổng công ty.

Điều 38. Thư ký Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Các cổ đông có quyền gộp số cổ phần phổ thông của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử từ ba (03) ứng viên đến tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Tổng công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

c. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty bao gồm thành viên Hội đồng quản trị hoặc là cán bộ quản lý Tổng công ty (Tổng giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, hoặc các chức danh tương đương; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Trường Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Tổng công ty;

5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

11. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng

quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 48. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng

văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Tổng công ty.

3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty.

Điều 49. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 1 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a. Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền

xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

Việc tra cứu, sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 53. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận sau thuế được xác định vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải chia trả lãi liên doanh (nếu có) và sau khi chia trả lãi liên doanh, số còn lại trích lập các quỹ sau:

- a. Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh;
- b. Quỹ phúc lợi;
- c. Quỹ khen thưởng;
- d. Trả cổ tức.

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ nêu trên do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung

thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 59. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Tổng công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư

3. Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp Tổng công ty thay đổi mô hình hoạt động, Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

5. Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

6. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị đúng hạn theo quy định pháp luật.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 61. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 62. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tổng công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 64. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam nhất trí thông qua việc sửa đổi, bổ sung vào ngàytháng năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày tháng..... năm 2021

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

Họ, tên, chữ ký của của Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ THANH TUẤN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2021

PHỤ LỤC

CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
(Kèm theo Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
thông qua ngày tháng ... năm 2021)

Danh sách cổ đồng sáng lập (Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 04 tháng 12 năm 2017):

STT	Tên cổ đồng	Số cổ phần
1	VỐN NHÀ NƯỚC	38.529.750
2	CÁC CỔ ĐỒNG KHÁC	5.270.250

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: TTr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty.

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã rà soát Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Tổng công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các yêu cầu quản trị, điều hành Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty (theo Bảng đề xuất đính kèm).

Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế quản trị nội bộ hiện hành.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Tuấn

**BẢNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Bỏ	Bỏ cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC
	<p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh Quy chế này được xây dựng căn cứ theo quy định của: — Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp (dưới đây gọi là “Luật Doanh nghiệp”); — Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (dưới đây gọi là “Luật Chứng khoán”); — Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dưới đây gọi là “Nghị định số 71/2017/NĐ-CP”); — Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dưới đây gọi là “Thông tư số 95/2017/TT-BTC”); — Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam; Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (dưới đây gọi là “Tổng công ty”).</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh <u>Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</u> 2. Đối tượng áp dụng <u>Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.</u></p>	Bỏ hết căn cứ vì đã hết hiệu lực. Bổ sung Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC.
	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Bỏ	Mẫu Quy chế nội bộ

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
			về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC không quy định
	<p>II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p><u>Điều 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
	<p>Gộp từ Điều 3 đến Điều 12 thành Điều 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1.1 <u>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.</u> 1.2 <u>Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.</u></p>	<p>Bổ sung thêm Điều cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
	<p>Chưa có</p>	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông ... <u>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> 2.1 <u>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.</u> <u>2.2 Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp</u> Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết. <u>2.3 Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> <u>Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư</p>
	<p>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng</p>		

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết.</p> <p>Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 40 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;</p> <p>a. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>b. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b. Phiếu biểu quyết;</p> <p>c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>Chưa có</p>	<p><u>đồng tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty.</u></p> <p>2.4 Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức <u>để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi <u>cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</u>. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>21</u> ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u></p> <p>a). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b). Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c). Phiếu biểu quyết;</p> <p>d). Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a). <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</u></p> <p>b). <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc</u></p>	<p>116/2020/TT- BTC</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Chưa có	<p>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>c). Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2.5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>d). Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản 2.5 Điều này;</p> <p>e). Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f). Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>g). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2.5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a). Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b). Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số</p>	Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>Điều 7. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết trong ĐHCĐ 1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. 2. Cổ đông đến dự ĐHCĐ muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng. 3. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm</p>	<p><u>lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u> c). <u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</u> d). <u>Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</u> - <u>Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</u> - <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u> - <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u> <u>Điều Khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u></p> <p>2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2.8. Điều kiện tiến hành a). <u>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> b). <u>Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 2.8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</u> c). <u>Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện</u></p>	<p>Bổ Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết trong ĐHCĐ. Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC chỉ yêu cầu Điều kiện tiến hành họp ĐHCĐ.</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trường BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>4. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>5. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội; (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 5 điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p>	<p>tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 2.8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>d). Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>9. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại ĐHĐGD có áp dụng các biện pháp nêu trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Quy chế này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức ĐHĐGD ít nhất một (01) lần. ĐHĐGD thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Chưa có</p>	<p>2.9. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a). <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>b). <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> - <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh</u> - <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> 	<p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Chưa có</p> <p>Điều 8. Cách thức kiểm phiếu 1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành Nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do HĐQT quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành. Bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty;</u> - <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</u> - <u>Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</u> <p>2.10. Cách thức bỏ phiếu a). <u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</u> b). <u>Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</u></p> <p>2.11. Cách thức kiểm phiếu a). <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành.</u> b). <u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Chưa có</p> <p>Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p>	<p>c). <u>Cách thức kiểm phiếu</u> Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.12. Điều kiện đề Nghị quyết được thông qua</p> <p>a). <u>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> - <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> - <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</u> - <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u> - <u>Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</u> <p>b). <u>Các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>c). <u>Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</u> <u>Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>d). <u>Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: thực hiện theo Mục 2.9.B, Mục 2.10.C, Điều 2 của Quy chế này.</u></p> <p>2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>2.14. Cách thức phân phối nghị quyết của Đại hội</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Luật DN 2020 và tình hình thực tế tại Viettronics.</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Luật DN 2020 và Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 10. Cách thức phân đối quyết định của ĐHĐCĐ Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty; Trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ; c) Chương trình và nội dung cuộc họp; d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong</p>	<p>đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Tổng công ty. b) Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình họp và nội dung cuộc họp; - Họ, tên chủ tọa và thư ký; - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Luật DN 2020 và Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty (nếu có).</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ</p>	<p>- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>- <u>Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p>b) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>d) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>e) <u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</u></p> <p>2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Giữ nguyên nội dung)</p> <p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>....</p> <p>3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p>	
	<p>Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>4. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Các các vấn đề sau đây có thể được ĐHĐCĐ thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p>		Sửa đổi cho nội dung ngắn gọn

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Tổng công ty;</p> <p>c. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định trừ các vấn đề theo quy định tại Luật Doanh nghiệp phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định Pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty (nếu có) trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>		
Chưa có		<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p><u>4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết</u></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p><u>bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</u> <u>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng các hình thức này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế để thực hiện. Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế Hội đồng quản trị ban hành phải quy định rõ các nội dung sau:</u></p> <p>a) <u>Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</u> b) <u>Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</u> c) <u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u> d) <u>Điều kiện tiến hành;</u> đ) <u>Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</u> e) <u>Cách thức bỏ phiếu;</u> g) <u>Cách thức kiểm phiếu;</u> h) <u>Thông báo kết quả kiểm phiếu;</u> i) <u>Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</u> k) <u>Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
	<p>III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ IV. HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p><u>Điều 3. Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
	<p>Gộp từ Điều 14 đến Điều 25 thành Điều 3. Hội đồng quản trị</p>		<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
	<p>Chưa có</p>	<p><u>Điều 3. Hội đồng quản trị</u> <u>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách</u></p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p><u>Điều 14. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT</u></p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;</p> <p>3. Thành viên của HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của HĐQT Công ty khác.</p> <p><u>Điều 15.Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</u></p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không</p>	<p>nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. <u>Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</u></p> <p>2.1. <u>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</u> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u></p> <p>2.2. <u>Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>a) <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới.</u></p> <p>b) <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u> <u>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</u> - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty; - <u>Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật;</u> - Thành viên của Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội 	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>hạn chế. Thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật.</p> <p>Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	<p><u>đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</u> - <u>Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.</u> <p>2.3. <u>Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</u> <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này.</u> <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (06) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u> <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông</u></p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;</p> <p>2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;</p> <p>3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>4. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>6. Thành viên đó không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;</p> <p>7. Thành viên đó là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;</p> <p>8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử</p>	<p><u>biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2.4. <u>Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</u> Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau <u>hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm <u>và bổ sung</u> thành viên Hội đồng quản trị <u>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị <u>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị a) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, <u>Tổng</u></p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; 2. Trình độ chuyên môn; 3. Quá trình công tác; 4. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. <p>Tổng công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).</p> <p>Chưa có</p>	<p><u>công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - <u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u> - Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; - <u>Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u> <p><u>2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p> <ol style="list-style-type: none"> a). <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</u> b). <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u> c). <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác</u> 	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	Chưa có	<p><u>thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>3. <u>Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>3.1. <u>Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</u></p> <p>3.2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>3.3. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>3.4. <u>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>3.5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí</u></p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 20. Thông báo họp HĐQT Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT Điều 22. Cách thức biểu quyết Điều 23. Cách thức họp thông qua nghị quyết của HĐQT Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT Điều 25. Thông báo Nghị quyết HĐQT Chưa có</p> <p>IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY Điều 45. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Tổng công ty Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Tổng công ty</p>	<p>hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>3.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. <u>Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Điều 33 Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>5.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 3 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>5.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.</p> <p>6. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</p>	<p>Theo Điều lệ</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 47. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty</p> <p>Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty</p> <p>Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty.</p>		<p>Lấy nguyên nội dung từ Điều 45 đến Điều 49 Quy chế hiện hành</p>
	<p>V. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>VI. HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Điều 4. Ban kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
	<p>Gộp từ Điều 26 đến Điều 30 thành Điều 4. Ban Kiểm soát</p>		
	<p>Chưa có</p> <p>Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên</p> <p>1. Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;</p> <p>c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty bao gồm thành viên HĐQT hoặc là cán bộ quản lý Tổng công ty (Tổng giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, hoặc các chức danh tương đương trong Tổng</p>	<p>Điều 4. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên.</p> <p>1.1. Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.</p> <p>1.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên</p> <p>2.1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p><u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</u> - <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> 	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>công ty). Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty</p> <p>e. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam;</p> <p>f. Kiểm soát viên phải là Kiểm soát viên hoặc kế toán viên;</p> <p>g. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>2. Số lượng Kiểm soát viên trong BKS phải có từ ba (03) thành viên. Các kiểm soát viên do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</p> <p>1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>3. Trường BKS phải là kế toán viên hoặc Kiểm soát viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.</p> <p>Điều 28. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một</p>	<p>2.3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên</p> <p><u>a) Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử từ ba (03) ứng viên đến tối đa năm (05) ứng viên.</u></p> <p><u>b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2.4. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p><u>Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp.</u></p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p> <p>Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của BKS và BKS ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Chưa có</p>	<p><u>bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</u></p> <p>2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên <u>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên <u>Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế các Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>2.7. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</p> <p>a) <u>Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</u></p> <p>b) <u>Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi</u></p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.</p>	
	<p>IV. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p> <p>Điều 31. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Điều 32. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	Bỏ	Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC không quy định nội dung này
	<p>Điều 38. Tổng Giám đốc</p> <p>1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà Pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty</p> <p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong</p>	<p>Điều 5. Tổng Giám đốc</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</p> <p>1.1. <u>Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</u></p> <p>1.2. <u>Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty</u></p> <p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc</p> <p>2.1. <u>Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy</u></p>	Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;</p> <p>c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;</p> <p>d. Tổng giám đốc Tổng công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác; Tổng giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p>	<p><u>định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>2.2 <u>Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế về công tác cán bộ của Tổng công ty. Việc thuê Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.</u></p> <p>2.3 <u>Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc</u> <u>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.</u></p> <p>2.4 <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc:</u> <u>Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>2.5 <u>Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:</u> a) <u>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u> b) <u>Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	
	<p>Điều 36. Thù tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và</p>	<p>Điều 6. Các hoạt động khác 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 1.1 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>Điều 37. Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BKS</p> <p>Bản sao các văn bản Nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cung cấp cho các thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 39. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT</p> <p>Điều 40. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <p>Điều 41. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc</p> <p>Điều 43. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc</p> <p>Điều 44. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<p>kiểm soát theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>1.2 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>1.3 Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Tổng công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự nhận xét, đánh giá; - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tin nhiệm; - Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm. 	
	<p>X. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</p> <p>Điều 50. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty</p> <p>XI. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 51. Ngày hiệu lực</p>	<p>Điều 7. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm 07 điều và được Đại hội đồng cổ đông thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...</p>	

Dự thảo

**TỔNG CÔNG TY CP
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Số: TTr/ĐT-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty,

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng các quy định mới được ban hành về Quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng (Theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020).

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (theo Phụ lục đính kèm).

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua!

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

Lê Thanh Tuấn

**BẢNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	Đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ hoạt động của Hội đồng quản trị (Sau đây viết tắt là HĐQT) và các thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Sau đây viết tắt là Tổng công ty).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng <u>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</u> <u>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Sửa cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC
2.	Điều 2. Vị trí, vai trò của HĐQT	Giữ nguyên nội dung	
3.	Điều 3. Nguyên tắc làm việc của HĐQT 1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về lĩnh vực công việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản của HĐQT đối với quá trình hoạt động và phát triển của Tổng công ty. 2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và bảo đảm lợi ích của Tổng công ty.	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị <u>1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.</u> 2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và bảo đảm lợi ích của Tổng công ty. 3. <u>Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</u>	Sửa đổi cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC
4.	CHƯƠNG 2 CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM KỲ HĐQT TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT	Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa đổi cho phù hợp với kết cấu của Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC
5.	Điều 10. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT. 1. Các thành viên có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công (hoặc được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) và không được ủy quyền cho người khác; 2. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị <u>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công</u>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>những hành vi của mình;</p> <p>3. Được ủy quyền thành viên khác trong HĐQT thay thế mình tham dự các cuộc họp của HĐQT trong những trường hợp cần thiết. Việc ủy quyền người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của người ủy quyền, được gửi tới trụ sở chính của Tổng công ty trước khi cuộc họp HĐQT khai mạc và được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>4. Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty;</p> <p>5. Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty. Giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Tổng công ty;</p> <p>6. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ;</p> <p>7. Thực hiện Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT;</p> <p>8. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Tổng công ty;</p> <p>9. Không được hành động vượt quá quyền hạn. Mọi quyết định, hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Tổng công ty và quy định của Pháp luật.</p> <p>10. Các quyền và nhiệm vụ khác của HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>ty và của các đơn vị trong Tổng công ty</p> <p>2. Các thành viên có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công (hoặc được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) và không được ủy quyền cho người khác.</p> <p>3. Được ủy quyền thành viên khác trong HĐQT thay thế mình tham dự các cuộc họp của HĐQT trong những trường hợp cần thiết. Việc ủy quyền người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của người ủy quyền, được gửi tới trụ sở chính của Tổng công ty trước khi cuộc họp HĐQT khai mạc và được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>4. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:</u> <u>Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;</u></p> <p>a) Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về những hành vi của mình;</p> <p>b) <u>Báo cáo với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</u></p> <p>c) <u>Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</u></p> <p><u>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>e) Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty. Giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Tổng công ty;</p> <p>g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ;</p> <p>h) Thực hiện Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>đồng cổ đông, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT;</p> <p>i) Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Tổng công ty;</p> <p>k) Không được hành động vượt quá quyền hạn. Mọi quyết định, hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Tổng công ty và quy định của Pháp luật.</p> <p>l) Các quyền và nhiệm vụ khác của Thành viên HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>	
6.	<p>Điều 10. Quyền hạn và nhiệm vụ của Thành viên HĐQT</p> <p>4. 4. Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty;</p>	<p>Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</u></p> <p>2. <u>Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm Điều cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
7.	<p>Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của HĐQT</p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất là 1/3 tổng số thành viên. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của HĐQT là (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.</p> <p>4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.</p>	<p>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất là 1/3 tổng số thành viên. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. <u>Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới.</u></p> <p>3. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>4. Chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, dựa trên đề xuất nhân sự của Chủ tịch Hội đồng quản trị từ một trong các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công.</p> <p>5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.</p>	
8.	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT</p> <p>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông, hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 05% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.</p> <p>3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật.</p> <p>4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều 151, Luật Doanh nghiệp 2014 (hoặc các văn bản khác thay thế).</p>	<p>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>2. <u>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>3. <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;</u></p> <p>4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật.</p> <p>5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.</u></p> <p>6. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</u></p> <p>7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
9.	<p>Điều 9. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT</p> <p>1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám</p>	<p>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng</u></p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>đốc của Tổng Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời hạn bốn (04) tháng và chỉ sau khi đã có thông báo chính thức và hợp pháp của Chủ tịch hoặc cơ quan có thẩm quyền về việc Chủ tịch vắng mặt hoặc phải vắng mặt, các thành viên còn lại của HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT:</p> <p>a. Phân công cho các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;</p> <p>b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;</p> <p>c. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;</p> <p>d. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;</p> <p>e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;</p> <p>f. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>g. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c) Tổ chức việc thông qua <u>ngợi quyết, quyết định</u> của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các <u>ngợi quyết, quyết định</u> của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Phân công cho các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;</p> <p>g) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT</p> <p>h) Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình</p> <p>i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>6. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn</u>, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày <u>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn</u>. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thân, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p> <p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
10.	Điều 7. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT</u>	Điều 9. <u>Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</u>	Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ trên cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty (3 người). Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí được quy định tại quy chế bầu cử của Tổng công ty.</p> <p>2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi tổ chức đó không còn tư cách pháp nhân, thì sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm các chức danh mà trước đó cổ đông là tổ chức đã đề cử và trúng cử vào các chức danh thành viên HĐQT;</p> <p>f. Không còn được cổ đông là tổ chức cử làm đại diện quản lý phần vốn cho cổ đông tổ chức đó nữa thì sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm các chức danh mà trước đó cổ đông là tổ chức đã đề cử và trúng cử vào các chức danh thành viên HĐQT;</p> <p>g. Ngoài các trường hợp quy định tại các Điểm a đến Điểm f trên của Khoản này, thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi tổ chức đó không còn tư cách pháp nhân, thì sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm các chức danh mà trước đó cổ đông là tổ chức đã đề cử và trúng cử vào các chức danh thành viên HĐQT;</p> <p>e) Không còn được cổ đông là tổ chức cử làm đại diện quản lý phần vốn cho cổ đông tổ chức đó nữa thì sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm các chức danh mà trước đó cổ đông là tổ chức đã đề cử và trúng cử vào các chức danh thành viên HĐQT.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>		
11.	<p>Điều 6. Ứng cử và đề cử làm thành viên HĐQT</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT</p>	<p>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. <u>Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết <u>theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đã được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>	
12.	<p>Điều 7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật.</p>	<p>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội 	<p>Điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p><u>đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p> <p><u>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</u></p>	
13.	<p>Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>1. 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. 2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. 3. HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>i. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này và Khoản 3, Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>j. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Tổng Công ty (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương, thù lao của họ; bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần</p>	<p>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p><u>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a) <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</u></p> <p>b) <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p>c) <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>d) <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>e) <u>Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;</u></p> <p>f) <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>g) <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p>h) <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</u></p> <p>i) <u>Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp</u></p>	<p>Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC không quy định nội dung này.</p> <p>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>vốn góp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác và thù lao (nếu có);</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>o. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>q. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>r. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Tổng Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>s. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;</p> <p>t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>u. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>v. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty;</p> <p>w. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của</p>	<p>khác;</p> <p>j) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>k) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>l) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>m) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>n) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>o) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>p) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>q) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;</p> <p>r) <u>Kiểm nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p>s) <u>Kiểm nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;</u></p> <p>t) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>Tổng Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Tổng Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn (có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty đến dưới 50% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm (05) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài trong phạm vi quyền hạn của HĐQT;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Tổng Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.</p>	<p>ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>được kiểm toán</u> của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>u) <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;</u></p> <p>v) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</u></p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</u></p> <p>4. <u>Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</u></p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ Tổng công ty quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.</p> <p>7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p>		
14.	Chưa có	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. <p>2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p> <p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
15.	Chưa có	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	
16.	Điều 11. Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT	Giữ nguyên nội dung, đổi thành	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		Điều 15. Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT	
17.	Điều 12. Chương trình hoạt động của HĐQT	Giữ nguyên nội dung, đổi thành Điều 16. Chương trình hoạt động của HĐQT	
18.	<p>Điều 19. Bộ máy giúp việc HĐQT</p> <p>1. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ giúp việc của HĐQT và Ban kiểm soát. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần, nhưng không trái với các quy định hiện hành của Bộ luật lao động.</p> <p>2. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng công ty và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</p> <p>a. Theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT xây dựng, theo dõi chương trình hoạt động của HĐQT;</p> <p>b. Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp (2014), Điều 35 Điều lệ Tổng công ty và các quy định tại Quy chế này.</p> <p>c. Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;</p> <p>d. Tổng hợp báo cáo cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT; Các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc Tổng công ty trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến HĐQT;</p> <p>e. Kiểm soát thể thức văn bản trình Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT ký; bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo quy định của Tổng công ty;</p> <p>f. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;</p> <p>g. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Tổng công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc được giao;</p> <p>h. Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ,</p>	<p>Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thư ký Tổng công ty</p> <p>a) <u>Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ giúp việc của HĐQT, Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm.</u></p> <p>b) <u>Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u> - <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u> - <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;</u> - <u>Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</u> - <u>Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</u> - <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u> - <u>Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật, Quy chế và Điều lệ Tổng công ty.</u> <p>2. <u>Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị</u></p> <p>a) <u>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng</u></p>	Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty;</p> <p>i. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao;</p> <p>j. Đơn đốc các đơn vị, ban chức năng chuẩn bị các hồ sơ tài liệu, báo cáo, giải trình... theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Tổng công ty.</p> <p>k. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật, Quy chế và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Các tiểu ban của HĐQT</p> <p>HĐQT sẽ thành lập các Tiểu ban trực thuộc để giúp việc hoạt động của HĐQT theo quy định tại Khoản 17 Điều 31 Điều lệ Tổng công ty. HĐQT sẽ quyết định phương thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, Quy chế hoạt động của bất kỳ Tiểu ban nào, nếu chưa thành lập sẽ là nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Số lượng thành viên của các Tiểu ban, tiêu chuẩn của thành viên các Tiểu ban do HĐQT quyết định tại từng thời điểm.</p> <p>HĐQT sử dụng Bộ máy điều hành của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p>	<p>quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.</p>	
19.	<p>Điều 13. Các cuộc họp của HĐQT</p> <p>1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p>	<p>Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.</u> Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến.</p> <p>4. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính</p>	Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT; c. Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.</p> <p>7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp.</p>	<p><u>đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</u></p> <p>a) Ban kiểm soát b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p><u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 4 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</u></p> <p><u>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u></p> <p><u>7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u></p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>Điều 14. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của HĐQT</p> <p>1. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy</p>	<p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết <u>theo quy định tại khoản 9 Điều này;</u></p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <u>bộ phiếu điện tử</u> hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b <u>Khoản 4 Điều 46 Điều lệ Tổng công ty</u> được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 39 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>2. HĐQT thông qua các quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>4. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</p>	<p>chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>c) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện</p> <p>12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
20.	<p>Điều 16. Biên bản họp HĐQT</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.</p> <p>2. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài, phải có chữ ký của tất cả các thành</p>	<p>Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của biên bản phải đáp ứng những yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nội dung sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền họp.</p> <p>Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.</p> <p>2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.</p>	<p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i) <u>Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p> <p><u>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</u></p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. <u>Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u></p>	
21.	Điều 15. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	Giữ nguyên nội dung, đổi thành Điều 20. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	
22.	Điều 17. Chế độ hội họp và đi công tác	Giữ nguyên nội dung, đổi thành Điều 21. Chế độ hội họp và đi công tác	
23.	Điều 18. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên HĐQT	Giữ nguyên nội dung, đổi thành Điều 22. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên HĐQT	
24.	Điều 20. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng Căn cứ lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, HĐQT thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định một số vấn đề. Việc phân cấp, ủy quyền cụ thể trong lĩnh vực tài chính kế toán, tổ chức nhân sự và lĩnh vực khác sẽ được quy định trong Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nhân sự của Tổng công ty và Quy chế quản trị nội bộ theo thẩm quyền của HĐQT.	Điều 23. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng Căn cứ lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, HĐQT thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định một số vấn đề. <u>Việc phân cấp, ủy quyền sẽ được quy định cụ thể trong các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.</u>	Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
25.	Điều 25. Phân công dự thảo, trình tự trình các Tờ trình của Tổng Giám đốc Tổng công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT để trình HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức thực hiện	Giữ nguyên nội dung, đổi thành Điều 24. Phân công dự thảo, trình tự trình các Tờ trình của Tổng Giám đốc Tổng công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT để trình HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức thực hiện	
26.	Chưa có	<p>Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH Điều 25. Trình báo cáo hằng năm</p> <p>1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;</p> <p>d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.</p> <p>3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC
27.	<p>Điều 10.</p> <p>11. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của HĐQT:</p> <p>a. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>b. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng Công ty, công ty con, công ty liên kết</p>	<p>Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật</p>	Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>của Tổng Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty.</p> <p>c. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>d. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT .</p>	<p><u>về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>	
28.	Chưa có	<p><u>Điều 27. Công khai các lợi ích liên quan</u></p> <p><u>Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình bao gồm:</p> <p>a) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</u></p> <p>b) <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</u></p> <p>2. <u>Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</u></p>	Bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.</p>	
29.	<p>Điều 22. Mỗi quan hệ giữa các thành viên HĐQT 1. Mỗi quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện công việc được phân công. 2. Khi thực hiện các công việc được phân công chính, thành viên HĐQT có trách nhiệm chủ động lấy ý kiến của các thành viên HĐQT khác về vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ chính được phân công. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có những ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc yêu cầu tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. 3. Khi có sự thay đổi việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên có liên quan có trách nhiệm bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu có liên quan. Việc bàn giao phải được lập thành văn bản, báo cáo Chủ tịch HĐQT và lưu trữ theo quy định</p>	<p>Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Điều 28. Mỗi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công. 2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. 3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
30.	<p>Điều 24. Mỗi quan hệ với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 34 Điều lệ Tổng công ty. Mỗi quan hệ của HĐQT với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc được quy định như sau: 1. HĐQT có trách nhiệm tạo mọi điều kiện hoàn thành nhiệm vụ được giao. 2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện nội dung</p>	<p>Điều 29. Mỗi quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. 1. HĐQT có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. 2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện nội dung</p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>không có lợi cho Tổng công ty, thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Tổng công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khác có liên quan, Thư ký Tổng công ty được mời tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung sẽ trình HĐQT hoặc báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ HĐQT giao, do Tổng Giám đốc chủ trì.</p> <p>5. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Giám đốc các đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc có liên quan và tham gia ý kiến.</p> <p>6. Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Thư ký Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.</p> <p>7. HĐQT Tổng công ty phân cấp cho Tổng Giám đốc Tổng công ty chủ động quyết định các vấn đề sau:</p> <p>Về đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty: Tổng giám đốc quyết định đầu tư các dự án mới có giá trị dưới 3 tỷ đồng năm ngoài kế hoạch năm được duyệt. Tổng giám đốc quyết định đầu tư các dự án mới có giá trị dưới 100 tỷ đồng năm trong kế hoạch năm được duyệt nhưng không quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>Về mua sắm thường xuyên và tài sản cố định: Tổng giám đốc quyết định việc đầu tư mua sắm thường xuyên, tài sản cố định có giá trị dưới 3 tỷ đồng.</p> <p>Về huy động vốn: Tổng giám đốc quyết định phương án huy động vốn và tín dụng mà tổng các hợp đồng vay vốn và tín dụng giá trị dưới 300 tỷ đồng nhưng không quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (bao gồm: L/C, vay thanh toán, thế chấp và bảo lãnh).</p> <p>Hợp đồng dân sự, kinh tế: Tổng giám đốc quyết định việc ký kết các hợp đồng thương mại (Tổng công ty là nhà</p>	<p>không có lợi cho Tổng công ty, thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Tổng công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khác có liên quan, Thư ký Tổng công ty được mời tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung sẽ trình HĐQT hoặc báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ HĐQT giao, do Tổng Giám đốc chủ trì.</p> <p>5. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Giám đốc các đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc có liên quan và tham gia ý kiến.</p> <p>6. Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Thư ký Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.</p> <p>7. Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong từng trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, sự cố bất khả kháng theo quy định của Pháp luật) mà ảnh hưởng ngay lập tức đến lợi ích của Tổng công ty, nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT biết. Thời hạn thông báo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.</p> <p>8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ</p>	

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>thầu tư vấn, thi công hoặc cung cấp dịch vụ) có giá trị dưới 300 tỷ đồng, hợp đồng chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản còn lại có giá trị dưới 10 tỷ đồng nhưng không quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>Công tác cán bộ: Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm có thời hạn, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh từ Trưởng Ban trở xuống.</p> <p>Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp: thay mặt Tổng công ty quyết định và chỉ đạo Người đại diện biểu quyết tại Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông tại các công ty có vốn góp.</p> <p>8. Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong từng trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, sự cố bất khả kháng theo quy định của Pháp luật) mà ảnh hưởng ngay lập tức đến lợi ích của Tổng công ty, nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT biết. Thời hạn thông báo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.</p> <p>9. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.</p>	<p>trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.</p>	
31.	<p>Điều 23. Mọi quan hệ với Ban kiểm soát Quyền hạn và nghĩa vụ, chế độ làm việc của Ban kiểm soát được quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41 của Điều lệ Tổng công ty. Mọi quan hệ công tác của HĐQT với Ban kiểm soát của Tổng công ty được quy định cụ thể như sau: 1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều</p>	<p>Điều 30. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát 1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát heo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp</p>	<p>Sắp xếp lại, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi (dự kiến)	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.</p> <p>2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT. Ban kiểm soát được cung cấp các thông tin về các cuộc họp của HĐQT theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 166 Luật Doanh nghiệp (2014) và được mời dự họp, được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Tổng công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.</p> <p>5. HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT. Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.</p>	<p><u>của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</u></p>	
32.	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 7</p> <p style="text-align: center;">MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 26. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;</p> <p>2. Các vấn đề chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành;</p> <p>Điều 27. Sửa đổi, bổ sung</p> <p>Trong quá trình thực hiện, nếu có các nội dung cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chính sách, Pháp luật và quy định của Nhà nước, HĐQT xem xét, quyết định.</p>	<p>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 31. Hiệu lực thi hành</p> <p><u>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần... bao gồm [...chương], [... điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...</u></p>	<p>Điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

